

Đề cán bộ giải quyết khiếu nại, tố cáo Thực sự vào cuộc

● LG Nguyễn Thuỷ

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CÒN HẠN CHẾ SO VỚI YÊU CẦU

Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền quan trọng của công dân được quy định trong Hiến pháp của nước ta. Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung năm 2004 đã quy định cụ thể về quyền khiếu nại, tố cáo. Nghị định số 53/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ đã quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật khiếu nại, tố cáo và luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của luật khiếu nại, tố cáo.

Để bảo đảm quyền dân chủ của công dân, Nhà nước ta còn thành lập một hệ thống các Tòa án hành chính và ban hành pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996 được sửa đổi, bổ sung năm 1998. Ngoài ra Đảng, Nhà nước còn có nhiều chỉ thị, Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời có hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thực tiễn đã cho thấy, quyền khiếu nại, tố cáo đã được công dân, cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức thực hiện dân chủ và rộng rãi hơn. Các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền đã từng bước có chuyển biến về nhận thức và thực hiện có hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Ví dụ: Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và môi trường trong đợt kiểm tra thi hành luật đất đai tháng 8 năm 2005 ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc, các đoàn đã tiếp nhận 16.500 đơn tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, chủ yếu là việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải quyết mặt bằng đòi lại đất cũ, tranh chấp về đất đai và tố cáo cán bộ nhà nước, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai v.v... Hoặc trong các lĩnh vực khác việc khiếu nại tố cáo cũng tăng về số vụ và số lượng đơn khiếu nại nhiều hơn.

Về mặt tổ chức, cơ chế tiếp và giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được kiện toàn, củng cố, đã có trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước, phòng tiếp dân ở UBND các cấp....

Song trên thực tế thì hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo còn nhiều hạn chế so với yêu cầu. Tình trạng chuyển đơn lòng vòng và chậm giải quyết còn khá phổ biến. Một số trường hợp do khiếu nại kéo dài và bức xúc nên người khiếu nại đã tụ tập đông người, gây áp lực tại trụ sở cơ quan Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và giao thông đi lại. Không ít trường hợp vẫn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo thiếu căn cứ pháp luật và chứng cứ thực tế, nên không có sức thuyết phục, do đó công dân tiếp tục khiếu nại kéo dài.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CHƯA RÕ, CÁN BỘ TIẾP DẪN THIẾU TRÁCH NHIỆM

Nguyên nhân của tình trạng trên là do: Quy định của luật khiếu nại, tố cáo có điểm chưa hợp lý, thiếu cụ thể và không sát thực tế, ví dụ: Cho phép người đại diện tham gia giải quyết khiếu nại, nhưng chưa có hướng dẫn về thủ tục đại diện, phạm vi, thẩm quyền đại diện thế nào? Hoặc quy định người đã ra quyết định hành chính, có hành vi hành chính lại giải quyết khiếu nại ngay quyết định đó, nên không khách quan thường bảo thủ, hoặc không quy định trách nhiệm trước pháp luật đối với người giải quyết khiếu nại và nội dung việc giải quyết khiếu nại.

Một số trường hợp, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Năng lực trình độ pháp luật và chuyên môn của cán bộ giải quyết khiếu nại, tố cáo còn hạn chế. Nghiệp vụ tiếp dân và soạn thảo văn bản trả lời khiếu nại của cán bộ chưa được bồi dưỡng, rút kinh nghiệm, nên còn tình trạng tiếp dân qua loa, hình thức, văn bản trả lời không cụ thể, thiếu căn cứ và không thuyết phục.

Đối với người khiếu nại, tố cáo, một số trường hợp đã thực hiện không theo đúng thủ tục do luật khiếu nại, tố cáo quy định. Khiếu nại vượt cấp, không đúng người, cấp có thẩm quyền giải quyết. Trình bày sự việc, cung cấp thông tin thiếu chính xác, hoặc việc khiếu nại đã được nhiều cấp giải quyết và đã có quyết định giải quyết có hiệu lực pháp luật, nhưng không thi hành mà vẫn khiếu nại tiếp, làm cho việc giải quyết thêm phức tạp và kéo dài.

KIẾN NGHỊ

1. Về các quyền của người khiếu nại cần sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể: Người khiếu nại được biết các bằng chứng để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm căn cứ giải quyết khiếu nại, đưa



Ảnh minh họa

ra bằng chứng về việc khiếu nại và trình bày ý kiến của mình về bằng chứng đó, người khiếu nại được nhận văn bản trả lời về việc thụ lý để giải quyết khiếu nại, tiếp cận thông tin, tài liệu của việc giải quyết khiếu nại. Đồng thời họ được khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của luật khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu cần quy định: Cá nhân, cơ quan có thẩm quyền trên 1 cấp mới được giải quyết khiếu nại đối với quy định hành chính, hành vi hành chính của cấp dưới. Không để như hiện nay là người đã ra quyết định hành chính lại giải quyết khiếu nại đối với quyết định đó, nên không khách quan, thường bảo thủ. Ví dụ cần quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng cơ quan thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện....

3. Một nội dung quan trọng khác cần quy định bổ sung trong luật là: Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại, thông báo bằng văn bản về việc thụ lý để giải quyết, gửi quyết định giải quyết cho người khiếu nại và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình. Trong trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuyển đến thì phải thông báo việc giải quyết hoặc kết quả giải quyết cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật khiếu nại, tố cáo.

4. Ngoài ra để tạo điều kiện cho người khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thực hiện được quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, chúng tôi kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội cần sớm sửa đổi một cách toàn diện pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính với hướng: Mở rộng phạm vi, thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với khiếu kiện về quyết định hành chính, hành vi hành chính. Về điều kiện và thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính cần đơn giản và cụ thể hơn để công dân dễ hiểu và thực hiện được kịp thời, đúng đắn ■



Ảnh minh họa

GÓP Ý KIẾN XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Không quy định loại tài sản không phải kê khai là chưa chặt chẽ

LG. Đỗ Văn

ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH PHẢI ĐƯỢC ĐẶT TÊN

Trong Điều 1 dự án Luật phòng, chống tham nhũng (viết tắt là dự án Luật PCTN) có quy định là: "Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý nghiêm người có hành vi tham nhũng, tài sản tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng chống tham nhũng". Tuy nhiên lại không quy định rõ ai là người tham nhũng? mà chỉ quy định "người có hành vi tham nhũng", "người" trong điều luật này có phải là bất cứ ai, bất cứ công dân nào hay không? Tôi nhận thấy: quy định như vậy là chưa rõ ràng còn tránh né mà không chỉ rõ ra "người" có hành vi tham nhũng là ai để điều chỉnh.

Nói đến tham nhũng thì đại đa số nhân dân đều biết rằng: chỉ người có chức, và quyền trong xã hội mới có điều kiện để tham nhũng và họ mới là người

tham nhũng. Vấn đề này, trong Điều 1 Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 đã quy định như sau: "Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vi động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ chức...". Trong Điều 2 Pháp lệnh Chống tham nhũng năm 1998 quy định rõ người có chức vụ, quyền hạn là những người nào? Nội dung quy định trong Điều 1 và Điều 2 Pháp lệnh Chống tham nhũng năm 1998 là rõ ràng về người có hành vi tham nhũng, là người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân; Công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh cán bộ công chức.

Do đó cần bổ sung đối tượng điều